

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và sáu (6) chi nhánh tại Thôn 1, Xã Đa Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; tại Làng Rô, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Ha, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Ayun Thượng và Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được phê duyệt bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 11 tháng 11 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Thái Văn Chuyên	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên	
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Vũ Hùng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
Ông Hàn Phi Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Thanh Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Tân Xuân Hiến	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2015
Bà Trần Thị Phương	Kế Toán Trưởng	

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến
Ông Thái Văn Chuyện

bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015

Ông Lê An Khang được Ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 34A/2015/QĐ-CT.HĐQT ngày 14 tháng 7 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con ("Nhóm Công ty"). Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61121146/17794928

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 15.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		317.351.323.260	371.417.493.261
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.715.290.957	42.133.654.622
111	1. Tiền		7.715.290.957	42.133.654.622
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		297.966.888.007	320.497.958.094
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	72.196.697.763	18.918.671.700
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	779.538.435	3.959.197.151
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	171.343.858.552	219.343.858.552
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	53.975.525.242	78.965.986.442
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(354.887.284)	(707.296.737)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		26.155.299	17.540.986
140	III. Hàng tồn kho		3.456.192.348	4.828.354.732
141	1. Hàng tồn kho	9	3.456.192.348	4.828.354.732
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		212.951.948	3.957.525.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		153.641.948	370.101.395
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	3.453.814.738
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	59.310.000	133.609.680
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.254.925.759.726	1.084.824.697.481
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		14.867.947.204	77.381.424.448
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	14.867.947.204	77.381.424.448
220	II. Tài sản cố định		831.723.930.180	369.529.336.424
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	827.631.310.333	369.490.169.745
222	Nguyên giá		1.034.383.642.471	457.446.466.997
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(206.752.332.138)	(87.956.297.252)
227	2. Tài sản vô hình	12	4.092.619.847	39.166.679
228	Nguyên giá		4.480.118.184	255.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(387.498.337)	(215.833.321)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		897.791.900	21.384.934.457
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	897.791.900	21.384.934.457
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	390.086.190.825	601.413.548.169
251	1. Đầu tư vào công ty con		389.295.000.638	600.722.364.669
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.190.187	691.183.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.349.899.617	15.115.453.983
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	17.349.899.617	15.115.453.983
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.572.277.082.986	1.456.242.190.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		706.729.397.648	705.683.231.339
310	I. Nợ ngắn hạn		189.757.378.714	234.761.205.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.249.247.443	23.520.450.055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		698.424.000	740.580.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	14.209.103.915	5.641.905.056
314	4. Phải trả người lao động		4.242.976.010	4.540.910.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.837.535.779	195.549.435
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	52.216.606.521	48.267.896.989
320	7. Vay ngắn hạn	21	103.804.830.556	144.964.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.498.654.490	6.889.913.492
330	II. Nợ dài hạn		516.972.018.934	470.922.025.653
331	1. Phải trả người bán dài hạn	17	275.307.039	259.770.187
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	184.143.172.817	195.390.852.813
338	3. Vay dài hạn	23	332.553.539.078	275.271.402.653
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24.1	865.547.685.338	750.558.959.403
410	I. Vốn chủ sở hữu		865.547.685.338	750.558.959.403
411	1. Vốn cổ phần		744.903.390.000	601.302.280.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		744.903.390.000	601.302.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.980.358.653	56.096.658.653
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.782.788.567	11.725.530.748
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		99.881.148.118	81.434.490.002
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.292.100.002	81.434.490.002
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		84.589.048.116	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.572.277.082.986	1.456.242.190.742

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	184.392.347.512	167.288.750.793
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 30	104.454.069.185	102.190.322.104
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.938.278.327	65.098.428.689
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	101.547.323.132	126.526.024.697
22	5. Chi phí tài chính	27	28.277.386.615	37.818.654.069
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		28.266.647.391	35.991.861.167
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 30	28.268.330.378	27.706.970.380
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		124.939.884.466	126.098.828.937
31	8. Thu nhập khác	29	5.158.058.646	5.543.247.715
32	9. Chi phí khác	29	4.081.158.987	5.516.767.205
40	10. Lợi nhuận khác	29	1.076.899.659	26.480.510
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.016.784.125	126.125.309.447
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	7.152.441.854	5.529.271.139
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	136.006.036
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		118.864.342.271	120.460.032.272

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Lê An Khang
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		126.016.784.125	126.125.309.447
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		29.018.803.096	20.707.993.219
03	Các khoản dự phòng		(352.409.453)	(21.439.593.798)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.610.162)	(61.790)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(101.675.158.469)	(126.583.659.095)
06	Chi phí lãi vay	27	28.266.647.391	35.991.861.167
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		81.268.056.528	34.801.849.150
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(29.377.356.828)	34.445.854.831
10	Giảm hàng tồn kho		1.443.424.184	392.730.273
11	Giảm các khoản phải trả		(26.298.237.041)	(81.157.625.060)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		1.616.056.788	2.443.281.140
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	276.978.256.422
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.420.671.276)	(41.248.097.278)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(4.175.372.831)	(2.039.095.188)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.437.747.539)	(4.563.899.645)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(10.381.848.015)	219.749.457.710
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(33.330.734.112)	(20.649.205.415)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.149.207.429	519.256.340
23	Tiền chi cho vay		(36.985.710.381)	(220.116.686.440)
24	Tiền thu hồi cho vay		78.799.547.889	58.222.122.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.294.198.545)	(165.537.408.425)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.213.189.000	122.173.530.142
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia		75.400.756.481	51.896.816.249
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		93.952.057.761	(173.491.575.549)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		155.986.388.658	346.600.072.046
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(265.923.754.930)	(365.110.000.000)
36	Cổ tức đã trả		(51.642.000)	(34.979.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(109.989.008.272)	(18.544.906.954)
50	Luân chuyển tiền thuần trong năm		(26.418.798.526)	27.712.975.207
60	Tiền đầu năm		42.133.654.622	14.420.617.625
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		434.861	61.790
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	15.715.290.957	42.133.654.622


Đặng Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập


Trần Thị Phương
Kế toán trưởng




Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và sáu (6) chi nhánh tại Thôn 1, Xã Đa Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 281 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 215).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là Công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 15.1 (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"). Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Nguyên tắc kế toán cho doanh nghiệp sáp nhập

Ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị sáp nhập vào bảng cân đối kế toán riêng của Công ty theo giá trị còn lại tại thời điểm sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị còn lại của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan đến công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 20 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")*

Công ty có tham gia HĐHTKD dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng của mình trong HĐHTKD trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Việc ghi nhận trên được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200.

3.11 *Các khoản đầu tư khác*

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.12 *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Ghi nhận giá vốn

Chi phí giá vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.711.744	23.016.072
Tiền gửi ngân hàng	7.698.579.213	42.110.638.550
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	15.715.290.957	42.133.654.622

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi 4,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	68.060.056.387	18.013.964.486
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	56.368.230.292	10.524.527.086
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	7.383.720.889	3.965.757.534
- Các khách hàng khác	4.308.105.206	3.523.679.866
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	4.136.641.376	904.707.214
TỔNG CỘNG	72.196.697.763	18.918.671.700
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.028.732)	(363.438.185)
GIÁ TRỊ THUẦN	72.185.669.031	18.555.233.515

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	635.210.949	3.667.185.623
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	144.327.486	292.011.528
TỔNG CỘNG	779.538.435	3.959.197.151

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (i) (Thuyết minh số 32)	164.000.000.000	219.000.000.000
Cho vay bên thứ ba (ii)	7.000.000.000	-
Cho vay Công ty Cổ phần Xây lắp & Dịch vụ Cơ điện Gia Lai	343.858.552	343.858.552
TỔNG CỘNG	171.343.858.552	219.343.858.552
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(343.858.552)	(343.858.552)
GIÁ TRỊ THUẦN	171.000.000.000	219.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTC")				
Hợp đồng số 04/HĐTD-GEC/2014, phụ lục hợp đồng ngày 28 tháng 12 năm 2015	72.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Tín chấp
Hợp đồng số 03A/HĐTD-GEC/2014, phụ lục hợp đồng ngày 28 tháng 12 năm 2015	38.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Tín chấp
Bà Đặng Nhân Dung				
Hợp đồng số 06/HĐTD-GEC/2014, phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2015	54.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Bảo lãnh bởi TTC
TỔNG CỘNG	164.000.000.000			

(ii) Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên thứ ba như sau:

Bên vay	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín				
Hợp đồng số 01/2015/HĐVV-ST-GEC, phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Tín chấp

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	51.732.295.200	72.905.102.285
Tạm ứng nhân viên	727.707.394	1.113.468.803
Phải thu lãi vay	200.193.362	179.250.953
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.300.000	16.325.000
Phải thu phí bảo vệ môi trường rừng	-	3.407.838.300
Phải thu khác	1.299.029.286	1.344.001.101
TỔNG CỘNG	53.975.525.242	78.965.986.442
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	52.707.757.379	74.139.249.385
Bên thứ ba	1.267.767.863	4.826.737.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. HÀNG TÓN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.433.185.480	4.712.535.945
Công cụ, dụng cụ	23.006.868	32.886.609
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	82.932.178
TỔNG CỘNG	3.456.192.348	4.828.354.732

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	14.867.947.204	77.381.424.448

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ				
Hợp đồng số 12/HĐTD-GEC/2015 ngày 22 tháng 12 năm 2015	10.797.947.204	5 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2016	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai				
Hợp đồng số 11/HĐTD-GEC/2015 ngày 13 tháng 11 năm 2015	3.304.000.000	3 năm từ ngày 13 tháng 11 năm 2015	8,5	Tin chấp
Hợp đồng số 03/HĐTD-GEC/2015 ngày 3 tháng 3 năm 2015	766.000.000	3 năm từ ngày 3 tháng 3 năm 2015	8,5	Tin chấp
TỔNG CỘNG	14.867.947.204			

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:							
Số đầu năm	319.710.299.850	99.902.466.213	34.910.270.166	1.242.264.507	174.169.396	1.506.996.865	457.446.466.997
Tăng từ nhận sáp nhập	291.550.862.153	153.253.369.891	83.456.964.167	40.857.537	-	1.077.311.658	529.379.365.406
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.708.578.860	4.065.245.608	388.927.299	-	-	17.829.522.807	37.992.274.574
Mua mới trong năm	12.290.981.156	233.015.080	-	459.825.909	-	-	12.983.822.145
Thanh lý	-	-	(1.735.877.841)	-	-	-	(1.735.877.841)
Phân loại lại	(39.230.049.056)	29.400.354.852	-	547.270.515	-	7.600.014.879	(1.682.408.810)
Số cuối năm	600.030.672.963	286.854.451.644	117.020.283.791	2.290.218.468	174.169.396	28.013.846.209	1.034.383.642.471
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	10.979.600.602	5.439.620.701	1.415.717.312	233.930.103	-	587.400.211	18.656.268.929
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	39.327.273.855	32.841.425.823	14.557.678.301	641.325.173	174.169.396	414.424.704	87.956.297.252
Tăng từ nhận sáp nhập	46.897.389.803	27.528.345.194	15.965.027.819	27.038.070	-	187.312.335	90.605.113.221
Khấu hao trong năm	16.661.551.190	7.659.885.424	3.940.894.307	161.948.764	-	488.908.990	28.913.188.675
Thanh lý	-	-	(721.115.911)	-	-	-	(721.115.911)
Phân loại lại	(2.348.996.545)	1.838.397.535	-	34.220.701	-	475.227.210	(1.151.099)
Số cuối năm	100.537.218.303	69.868.053.976	33.742.484.516	864.532.708	174.169.396	1.565.873.239	206.752.332.138
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	280.383.025.995	67.061.040.390	20.352.591.865	600.939.334	-	1.092.572.161	369.490.169.745
Số cuối năm	499.493.454.660	216.986.397.668	83.277.799.275	1.425.685.760	-	26.447.972.970	827.631.310.333
Trong đó:							
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23)	457.661.065.835	206.533.379.694	72.545.239.970	740.175.726	-	8.586.777.840	746.066.639.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm mã tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	255.000.000	-	255.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.868.178.000	-	-	3.868.178.000
Mua mới trong năm	-	217.500.000	-	217.500.000
Tăng do nhận sáp nhập	-	45.000.000	139.440.184	184.440.184
Giảm khác	-	(45.000.000)	-	(45.000.000)
Số cuối năm	3.868.178.000	472.500.000	139.440.184	4.480.118.184
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	175.000.000	-	175.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	215.833.321	-	215.833.321
Hao mòn trong năm	54.831.585	50.782.836	-	105.614.421
Tăng do nhận sáp nhập	-	10.000.000	66.050.595	76.050.595
Giảm khác	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Số cuối năm	54.831.585	262.212.781	70.453.971	387.498.337
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	39.166.679	-	39.166.679
Số cuối năm	3.813.346.415	210.287.219	68.986.213	4.092.619.847

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	714.411.900	-
Hệ thống SCADA trạm 110 KV Chư Prông	110.880.000	-
Phần mềm kinh doanh điện	72.500.000	-
Khu Công nghiệp Diên Phú	-	11.258.069.328
Nâng cấp Nhà máy Thủy điện Đa Khai	-	5.709.263.892
Cải tạo lưới điện Chư Prông	-	4.200.101.237
Phần mềm kế toán	-	217.500.000
TỔNG CỘNG	897.791.900	21.384.934.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay vào các dự án Khu công nghiệp Diên Phú, cải tạo lưới điện Chư Prông và nâng cấp nhà máy Thủy điện Đa Khai với tổng số tiền là 1.023.283.180 VNĐ (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 264.109.257 VNĐ).

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	389.295.000.638	600.722.364.669
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 15.2)	791.190.187	691.183.500
TỔNG CỘNG	390.086.190.825	601.413.548.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
(1) Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	58,1	170.882.130.932	58,1	170.882.130.932
(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	(1) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	59,1	143.562.636.932	58,9	142.875.719.701
(3) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	(2) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang trong giai đoạn đầu tư	20,1	34.267.716.797	19,8	23.856.313.186
(4) Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lô	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	52,9	20.005.201.240	52,9	20.005.201.240
(5) Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Đang hoạt động	100	13.197.314.737	100	13.197.314.737
(6) Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	(3) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	65,3	5.880.000.000	-	-
(7) Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	Đang hoạt động	100	1.500.000.000	100	1.500.000.000
(8) Công ty TNHH GKC	(4) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Thanh lý	-	-	60,0	3.701.370.688
(9) Công ty Cổ phần Ayun Thượng	(5) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Sáp nhập	-	-	97,7	116.894.020.029
(10) Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	(5) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Sáp nhập	-	-	83,2	107.810.294.156
TỔNG CỘNG				389.295.000.638		600.722.364.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (1) 14.471.994 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên đã được đem đi thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21 và 23).
- (2) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú.
- (3) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng toàn bộ lợi ích trong Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ ("GBC") từ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên với giá trị là 5.700.000.000 VNĐ. Theo đó, Công ty là công ty mẹ của GBC.
- (4) Vào ngày 5 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH GKC ("GKC") cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đắklô. Theo đó, GKC không còn là công ty con của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (5) Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Ayun Thượng và Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được phê duyệt bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 11 tháng 11 năm 2015.

15.2 Đầu tư dài hạn khác

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào dự án Thủy Điện Krông Pa 2	691.183.500	691.183.500
Công ty TNHH GKC	100.006.687	-
TỔNG CỘNG	791.190.187	691.183.500

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa (*)	9.953.900.428	12.086.879.092
Chi phí kiểm định, cải tạo nhà máy thủy điện	4.494.254.485	1.447.182.865
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	837.061.198	1.311.273.536
Khác	2.064.683.506	270.118.490
TỔNG CỘNG	17.349.899.617	15.115.453.983

- (*) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Điện Gia Lai để cổ phần hóa theo Biên bản Thẩm định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 10 năm 2009. Lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	2.863.943.910	7.964.580.591
- Công ty TNHH Một thành viên Thí nghiệm điện Miền Trung	635.730.877	823.728.577
- Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh	2.068.724	4.299.039.116
- Các nhà cung cấp khác	2.226.144.309	2.841.812.898
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.385.303.533	15.555.869.464
	<u>6.249.247.443</u>	<u>23.520.450.055</u>
Dài hạn		
Bên thứ ba	275.307.039	259.770.187
TỔNG CỘNG	<u>6.524.554.482</u>	<u>23.780.220.242</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	3.123.633.401	9.144.125.651	4.175.372.831	8.092.386.221
Thuế giá trị gia tăng	1.342.618.970	12.198.521.970	9.322.221.598	4.218.919.342
Thuế tài nguyên	471.292.799	7.968.980.104	7.707.444.670	732.828.233
Thuế thu nhập cá nhân	90.851.513	2.815.925.592	2.379.049.026	527.728.079
Khác	613.508.373	1.906.187.321	1.882.453.654	637.242.040
TỔNG CỘNG	<u>5.641.905.056</u>	<u>34.033.740.638</u>	<u>25.466.541.779</u>	<u>14.209.103.915</u>
Phải thu				
Tiền thuê đất	133.609.680	171.720.425	97.420.745	59.310.000

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.762.535.779	120.549.435
Khác	75.000.000	75.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.837.535.779</u>	<u>195.549.435</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả lợi nhuận HDHTKD	44.469.491.970	42.965.790.083
Phải trả quỹ bảo vệ môi trường rừng	5.270.890.660	2.193.540.200
Khác	2.476.223.891	3.108.566.706
TỔNG CỘNG	52.216.606.521	48.267.896.989
<i>Trong đó</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	44.469.491.970	42.965.790.083
<i>Bên thứ ba</i>	7.747.114.551	5.302.106.906

21. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	16.000.000.000	13.000.000.000
Vay ngắn hạn bên liên quan (ii) (Thuyết minh số 32)	27.546.000.000	102.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	60.258.830.556	29.864.000.000
TỔNG CỘNG	103.804.830.556	144.964.000.000

(i) Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai

Hợp đồng vay số 453/15/NHNT ngày 24 tháng 12 năm 2015	16.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2016	6,0	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
--	----------------	-----------------------------	-----	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết khoản vay bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai				
Hợp đồng vay số 9/HĐĐV-GEC/2015 ngày 20 tháng 5 năm 2015	7.696.000.000	Ngày 20 tháng 2 năm 2016	5,5	Tin chấp
Hợp đồng vay số 10/HĐĐV-GEC/2015 ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.000.000.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2016	5,8	Tin chấp
Hợp đồng vay số 11/HĐĐV-GEC/2015 ngày 23 tháng 7 năm 2015	9.000.000.000	Ngày 23 tháng 2 năm 2016	5,8	Tin chấp
Hợp đồng vay số 13/HĐĐV-GEC/2015 ngày 13 tháng 11 năm 2015	2.250.000.000	Ngày 13 tháng 3 năm 2016	5,6	Tin chấp
Hợp đồng vay số 15/HĐĐV-GEC/2015 ngày 24 tháng 12 năm 2015	1.800.000.000	Ngày 23 tháng 3 năm 2016	5,5	Tin chấp
Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai				
Hợp đồng vay số 14/HĐĐV-GEC/2015 ngày 2 tháng 12 năm 2015	800.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	5,0	Tin chấp
TỔNG CỘNG	27.546.000.000			

Công ty vay khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải trả dài hạn khác thể hiện số dư phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên vào Công ty theo các HĐHTKD (Thuyết minh số 32) để xây dựng và khai thác các dự án thủy điện. Chi tiết các khoản nhận vốn theo HĐHTKD như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
Nhà máy Thủy điện Đăk Pơ Hao 2	47.886.496.928	53.357.158.272
Nhà máy Thủy điện Ia Puch 3	36.259.018.986	39.613.266.628
Nhà máy Thủy điện H'Chan	22.480.525.984	24.366.051.059
Nhà máy Thủy điện Ia Meur 3, Ia Đrăng 3	9.957.898.580	10.495.144.515
TỔNG CỘNG	184.143.172.817	195.390.852.813

23. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	387.203.791.311	305.135.402.653
Vay dài hạn bên liên quan (ii) (Thuyết minh số 32)	5.608.578.323	-
TỔNG CỘNG	392.812.369.634	305.135.402.653
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	60.258.830.556	29.864.000.000
Vay dài hạn	332.553.539.078	275.271.402.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. **VAY DÀI HẠN** (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai ("Agribank Gia Lai")					
Hợp đồng số 179/HĐTD, ngày 13 tháng 8 năm 2013	137.270.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 20 tháng 8 năm 2021	Đầu tư vào dự án thủy điện Đa Khai	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 277/HĐTD, ngày 26 tháng 10 năm 2012	42.001.188.858	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025	Đầu tư vào dự án thủy điện Đăk Pi Hao 1	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 45/HĐTD, ngày 29 tháng 8 năm 2006	34.372.748.555	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2016 đến ngày 7 tháng 2 năm 2019	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Puch 3	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 75/HĐTD, ngày 17 tháng 10 năm 2003	2.658.311.096	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 17 tháng 10 năm 2016	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Đrăng 3	8	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 77/HĐTD, ngày 27 tháng 10 năm 2003	2.426.268.184	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 27 tháng 10 năm 2016	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Meur 3	8,4	Tài sản hình thành từ vốn vay
Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 (*)	14.495.691.367	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 5 năm 2017			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 33.477.579.280

(*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 về việc tiếp nhận nợ vay ngân hàng giữa Agribank Gia Lai và Công ty Điện Gia Lai. Theo đó, Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai) đã tiếp nhận nợ vay và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận của Công ty Mía đường Gia Lai đã ký kết với Agribank Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai					
Hợp đồng số 01/2009/AJS.CO-HĐTD ngày 16 tháng 3 năm 2009	106.280.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Đầu tư vào dự án thủy điện Ayun Thượng 1A	9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 340/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	10.996.694.631	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án Khu Công nghiệp Diên Phú	8,5 - 9	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
Hợp đồng số 341/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	7.780.961.999	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án cải tạo nâng cấp lưới điện Chư Prông	8,5 - 9	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
Hợp đồng số 342/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	3.976.926.621	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án cải tạo nâng cấp Nhà máy thủy điện Đa Khai	8,5	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	19.908.000.000				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 218/2014/HĐTD/NHCT902-GEC, ngày 17 tháng 12 năm 2014	24.965.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2019	Đầu tư vào dự án thủy điện Đăk Pí Hao 2	9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	5.477.000.000				
TỔNG CỘNG	387.203.791.311				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	58.862.579.280 328.341.212.031				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các cổ đông nhỏ lẻ (*)					
Hợp đồng số 01C/2012/HĐVV và 01D/2012/HĐVV, ngày 19 tháng 1 năm 2012.	5.608.578.323	10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2012	Đầu tư vào dự án thủy điện la Puch 3 và Đăk Pí Hao 2	9	Tin chấp
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	1.396.251.276				
Vay dài hạn	4.212.327.047				

(*) Đây là các khoản vay từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai trước thời điểm sáp nhập. Công ty đã tiếp nhận lại toàn bộ khoản vay này tại thời điểm sáp nhập và Công ty đang trong quá trình ký lại hợp đồng vay với các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	522.871.860.000	103.154.918.653	3.111.673.684	2.629.519.222	36.516.912.761	668.284.884.320
Tăng vốn trong năm	78.430.420.000	(47.058.260.000)	-	-	(31.372.160.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	120.460.032.272	120.460.032.272
Trích lập các quỹ	-	-	1.090.748.726	4.899.135.516	(5.989.884.242)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(5.546.400)	-	(5.546.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.025.061.109)	(6.025.061.109)
Phân chia lợi nhuận theo HĐHTKD (***)	-	-	-	-	(32.155.349.680)	(32.155.349.680)
Số cuối năm	601.302.280.000	56.096.658.653	4.202.422.410	7.523.108.338	81.434.490.002	750.558.959.403
Năm nay						
Số đầu năm						
(được trình bày lại – Thuyết minh số 33) (*)	601.302.280.000	56.096.658.653	11.725.530.748	-	81.434.490.002	750.558.959.403
Tăng vốn trong năm (**)	143.601.110.000	(54.116.300.000)	-	-	(66.142.390.000)	23.342.420.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	118.864.342.271	118.864.342.271
Trích lập các quỹ	-	-	7.387.587.991	-	(7.387.587.991)	-
Sử dụng quỹ	-	-	(330.330.172)	-	-	(330.330.172)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.181.723.816)	(4.181.723.816)
Phân chia lợi nhuận theo HĐHTKD (***)	-	-	-	-	(22.705.982.348)	(22.705.982.348)
Số cuối năm	744.903.390.000	1.980.358.653	18.782.788.567	-	99.881.148.118	865.547.685.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Trong năm, Công ty đã chuyển toàn bộ số dư đầu kỳ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200. Nghiệp vụ này đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015.
- (**) Trong năm, Công ty đã phát hành tổng cộng 14.360.111 cổ phiếu mới theo các hình thức như sau:
- Công ty đã phát hành 12.025.869 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần; và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng đã được phê duyệt bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 11 tháng 8 năm 2015.
 - Công ty cũng đã lần lượt phát hành 2.060.642 và 273.600 cổ phiếu mới để thực hiện hoán đổi cổ phiếu với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai và Công ty Cổ phần Ayun Thượng theo tỷ lệ hoán đổi 1:1 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015. Việc phát hành này đã được phê duyệt bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 11 tháng 11 năm 2015.
- (***) Phân chia lợi nhuận liên doanh thể hiện phần phân chia lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên theo các HĐHTKD để xây dựng và khai thác các dự án thủy điện.

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần đã góp	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần đã góp	Tỷ lệ sở hữu
	(Cổ phiếu)	(VNĐ)	(%)	(Cổ phiếu)	(VNĐ)	(%)
Bà Tạ Thị Ngoan	17.436.000	174.360.000.000	23,41	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	14.739.764	147.397.640.000	19,79	12.026.053	120.260.530.000	20,00
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	9.660.000	96.600.000.000	12,97	8.050.000	80.500.000.000	13,39
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công Nghiệp Đặng Huỳnh	7.098.156	70.981.560.000	9,53	5.915.131	59.151.310.000	9,84
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.967.499	39.674.990.000	5,33	5.836.250	58.362.500.000	9,71
Bà Đặng Huỳnh Ước My	3.478.699	34.786.990.000	4,67	2.900.000	29.000.000.000	4,82
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	3.009.582	30.095.820.000	4,04	2.507.986	25.079.860.000	4,17
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	2.070.000	20.700.000.000	2,78	1.725.000	17.250.000.000	2,87
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt	-	-	-	14.450.176	144.501.760.000	24,03
Các cổ đông khác	13.030.639	130.306.390.000	17,49	6.719.632	67.196.320.000	11,18
TỔNG CỘNG	74.490.339	744.903.390.000	100	60.130.228	601.302.280.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	601.302.280.000	522.871.860.000
Tăng vốn trong năm	143.601.110.000	78.430.420.000
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>601.302.280.000</u>

24.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	74.490.339	60.130.228
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	74.490.339	60.130.228
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.490.339	60.130.228

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Doanh thu bán điện	160.884.641.055	147.819.076.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>23.507.706.457</u>	<u>19.469.674.739</u>
TỔNG CỘNG	<u>184.392.347.512</u>	<u>167.288.750.793</u>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	13.561.609.982	16.050.155.797
Doanh thu đối với bên thứ ba	<u>170.830.737.530</u>	<u>151.238.594.996</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.732.295.200	93.827.869.253
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.280.208.606	16.864.404.450
Lãi từ nhận sáp nhập	16.918.253.765	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	8.609.955.399	15.833.750.994
Khác	6.610.162	-
TỔNG CỘNG	101.547.323.132	126.526.024.697

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	91.456.946.456	93.452.270.150
Giá vốn dịch vụ cung cấp	12.997.122.729	8.738.051.954
TỔNG CỘNG	104.454.069.185	102.190.322.104

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	28.266.647.391	35.991.861.167
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	22.623.736.355
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(20.856.337.647)
Khác	10.739.224	59.394.194
TỔNG CỘNG	28.277.386.615	37.818.654.069

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương bộ phận quản lý	18.006.665.166	15.110.177.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.729.374.018	1.706.976.321
Chi phí khác	8.532.291.194	10.889.816.360
TỔNG CỘNG	28.268.330.378	27.706.970.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Thu nhập khác	5.158.058.646	5.543.247.715
Thu thanh lý tài sản cố định	134.445.499	131.558.569
Thu nhập hoạt động cho thuê	2.144.108.793	995.291.705
Khác	2.879.504.354	4.416.397.441
Chi phí khác	4.081.158.987	5.498.017.205
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.687.297.014	748.612.321
Khác	2.393.861.973	4.749.404.884
GIÁ TRỊ THUẦN	1.076.899.659	26.480.510

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.463.566.841	64.259.920.954
Chi phí nhân công	32.353.435.997	29.965.583.537
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và 12)	29.018.803.096	20.707.993.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.066.785.262	2.346.722.833
Chi phí khác	13.819.808.367	12.617.071.941
TỔNG CỘNG	132.722.399.563	129.897.292.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án, cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông – Trà Bá: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2016).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16 tháng 9 năm 2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính ("Công văn số 11684/BTC-TCT") thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của Dự án là 10%.
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Meur 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của Dự án là 10%.
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đa Khai: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Puch 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.152.441.854	4.572.268.206
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	957.002.933
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	136.006.036
TỔNG CỘNG	7.152.441.854	5.665.277.175

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty chênh lệch với lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất hiện hành và các quy định về ưu đãi thuế TNDN mà Công ty đang áp dụng.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.016.784.125	126.125.309.447
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không điều hành trực tiếp	416.541.516	530.400.000
Chi phí không được khấu trừ	591.411.042	878.884.557
Thu nhập từ sáp nhập công ty con	(16.340.661.645)	-
Cổ tức nhận được trong năm	(51.732.295.200)	(93.827.869.253)
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	58.951.779.838	33.706.724.751
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	58.951.779.838	33.706.724.751
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm	7.152.441.854	4.572.268.206
Thuế TNDN phải nộp (nộp thừa) đầu năm	3.123.633.401	(366.542.550)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	957.002.933
Thuế TNDN trả thay TIC trong HĐHTKD	1.991.683.797	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.175.372.831)	(2.039.095.188)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	8.092.386.221	3.123.633.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Phân chia lợi nhuận liên doanh	22.705.982.348	32.155.349.679
		Cổ tức	18.954.044.200	26.122.915.200
		Chia doanh thu HĐHTKD	17.038.887.288	-
		Chia chi phí HĐHTKD	7.295.138.082	-
		Mua điện	2.818.140.162	3.174.955.955
		Cung cấp dịch vụ	1.185.459.573	1.334.150.249
		Chi phí trả hộ	93.964.033	54.811.549
		Thuê văn phòng	70.909.092	54.545.456
		Lãi vay	20.377.777	160.277.779
		Cổ tức	32.778.251.000	26.798.410.000
		Cung cấp dịch vụ	3.064.471.502	1.430.000.000
		Lãi vay	878.656.944	1.500.322.223
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Công ty con	Thuê văn phòng	138.272.730	130.909.092
		Lắp đặt hệ thống đo đếm	106.650.000	-
		Lãi cho vay	-	2.844.650.601
		Nhượng bán tài sản cố định	-	131.700.000
		Bán điện	-	9.460.684
		Khác	86.802.568	-
		Mua điện	26.774.932.712	45.123.291.690
		Lãi cho vay	5.097.497.891	9.473.622.645
		Cung cấp dịch vụ	3.314.143.695	5.560.478.403
		Nhượng bán vật tư	435.757.320	182.413.238
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	201.981.945	490.833.339
		Phí tổn thất điện	183.177.060	-
		Chi phí trả hộ	151.785.870	432.576.528
		Bán điện	131.785.168	42.663.542
		Thuê văn phòng	40.909.094	54.545.456
		Thanh lý dầu thải	19.145.455	-
		Cổ tức	-	10.816.171.300
		Mua tài sản cố định	-	773.366.204
		Nhượng bán tài sản cố định	-	458.636.364
		Dịch vụ xây dựng	9.060.948.110	17.345.908.989
		Lãi vay	1.368.849.778	9.605.556
		Thuê khu sản xuất	1.310.670.000	-
		Nhượng bán tài sản cố định	1.149.207.429	-
		Tiền thưởng	345.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Nhượng bán vật tư	170.165.254	515.475.883
		Thuê văn phòng	137.272.731	87.272.727
		Lãi cho vay	122.045.948	14.111.110
		Bán điện	45.178.042	33.512.197
		Dịch vụ bảo vệ	30.818.642	78.038.555
		Thuê máy móc, thiết bị	17.525.413	468.343.999
		Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu	-	3.820.157.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	Lãi cho vay	12.745.635.977	4.200.762.513
Bà Đặng Nhân Dung	Bên liên quan	Lãi cho vay	5.202.615.031	114.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.750.206.440	-
		Thuê văn phòng	248.587.200	-
		Lãi cho vay	86.718.696	-
		Chi phí trả hộ	11.462.553	-
		Nhượng bán tài sản cố định	-	454.545.455
		Khác	26.581.187	-
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.495.211.458	2.725.527.145
		Lãi vay	38.041.667	136.724.998
		Thuê văn phòng	40.909.094	54.545.455
		Lãi cho vay	206.235.416	42.222.222
		Cổ tức	-	14.656.500.000
		Khác	80.753.622	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.500.000.000	5.000.000.000
		Lãi cho vay	76.500.000	73.403.888
		Nhượng bán vật tư	30.579.622	-
		Chi phí trả hộ	9.012.690	2.160.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	351.763.466	1.543.545.831
		Thuê văn phòng	120.000.000	87.272.728
		Lãi vay	3.333.333	25.870.276
		Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu	-	760.676.373
		Khác	2.936.350	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	196.151.560	-
		Cung cấp lắp đặt hệ thống SCADA	47.475.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	4.239.925.180	4.473.837.772
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	625.771.000	530.400.000
TỔNG CỘNG	4.865.696.180	5.004.237.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.335.552.084	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.650.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	126.781.778	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	18.604.301	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	5.703.213	-	-
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	904.707.214	-
			4.136.641.376	904.707.214	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Sử dụng dịch vụ tư vấn	144.327.486	292.011.528	

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Công ty con	Cổ tức Khác	32.778.251.000 139.880.950	26.798.410.000 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức Khác	18.954.044.200 136.010.440	21.770.346.000 -
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con	Thuê văn phòng Lãi vay	507.762.666 13.169.472	100.786.000 -
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Thuê máy móc, thiết bị Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu Nhượng bán vật tư Thuê văn phòng Khác	123.416.151 - - - - -	123.236.298 1.551.098.031 889.506.850 16.000.000 39.526.730
Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Công ty con	Khác	52.222.500	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	Công ty con	Khác	3.000.000	5.160.000
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con	Cổ tức Thuê văn phòng Lãi vay	- - -	14.656.500.000 15.000.000 42.222.222
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	-	7.572.384.400
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu Chi phí trả hộ	- - -	556.363.854 2.709.000
			52.707.757.379	74.139.249.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	3.385.303.533	6.316.901.016
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con	Mua điện	-	7.486.739.244
		Mua tài sản cố định	-	850.702.824
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Mua điện	-	318.762.685
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Dịch vụ tư vấn	-	425.150.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ tư vấn	-	157.613.695
			3.385.303.533	15.555.869.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	204.440.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Phân chia lợi nhuận HĐHTKD	44.469.491.970	42.962.540.083
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Khác	-	3.250.000
			44.469.491.970	42.965.790.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả dài hạn khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Nhận góp vốn liên doanh	184.143.172.817	195.390.852.813	
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng	Cho vay	110.000.000.000	155.000.000.000	
Bà Đặng Nhân Dung	Bên liên quan	Cho vay	54.000.000.000	54.000.000.000	
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con	Cho vay	-	10.000.000.000	
			164.000.000.000	219.000.000.000	
Phải thu về cho vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	Công ty con	Cho vay	10.797.947.204	-	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Cho vay	4.070.000.000	-	
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	77.381.424.448	
			14.867.947.204	77.381.424.448	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty con	Vay	26.746.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Công ty con	Vay	-	82.000.000.000
Công ty Cổ phần Ayun Thượng	Công ty con	Vay	-	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai	Công ty con	Vay	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Vay	-	1.600.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Vay	800.000.000	800.000.000
			27.546.000.000	102.100.000.000
Vay dài hạn				
Các cổ đông khác	Cổ đông	Vay	5.608.578.323	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trình bày theo hướng dẫn của Quyết định 15 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây theo Quyết định 15)	Điều chỉnh lại	Số đầu năm (được trình bày lại theo Thông tư 200)
VNĐ			
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Đầu tư ngắn hạn	219.343.858.552	(219.343.858.552)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(343.858.552)	343.858.552	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	219.343.858.552	219.343.858.552
Các khoản phải thu khác	77.836.192.639	1.129.793.803	78.965.986.442
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	17.540.986	17.540.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(363.438.185)	(343.858.552)	(707.296.737)
Tài sản ngắn hạn khác	1.147.334.789	(1.147.334.789)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	77.381.424.448	77.381.424.448
Đầu tư dài hạn khác	78.072.607.948	(78.072.607.948)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	691.183.500	691.183.500
Quỹ đầu tư phát triển	4.202.422.410	7.523.108.338	11.725.530.748
Quỹ dự phòng tài chính	7.523.108.338	(7.523.108.338)	-

	Năm trước (đã được trình bày trước đây theo Quyết định 15)	Điều chỉnh lại (*)	Năm nay (được trình bày lại theo Thông tư 200)
VNĐ			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Thu nhập khác	5.974.649.456	(431.401.741)	5.543.247.715
Chi phí khác	5.948.168.946	(431.401.741)	5.516.767.205

(*) Việc điều chỉnh này liên quan đến việc trình bày thu nhập và chi phí tài sản cố định thanh lý theo hướng dẫn của Thông tư 200.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.


 Đặng Nguyễn Thị Kim Loan
 Người lập


 Trần Thị Phương
 Kế toán trưởng


 Lê An Khang
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2016